BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2014/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề thuộc nhóm nghề Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân - Sản xuất và chế biến - Máy tính và công nghệ thông tin

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề thuộc nhóm nghề Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân - Sản xuất và chế biến - Máy tính và công nghệ thông tin như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Nghiệp vụ lưu trú; Quản trị buồng phòng; Điều hành tour du lịch; Công nghệ may Veston; Thiết kế mạch điện tử trên máy tính; An ninh mạng để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề cho nghề "Nghiệp vụ lưu trú"; chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Quản trị buồng phòng" (Phụ lục 1).

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Điều hành tour du lịch" (Phụ lục 2).

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Công nghệ may Veston" (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Thiết kế mạch điện tử trên máy tính" (Phụ lục 4).

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "An ninh mạng" (Phụ lục 5).

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, hiệu trưởng các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2014.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho 06 nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phi

Phụ lục 01
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề cho nghề "Nghiệp vụ lưu trú"; chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Quản trị buồng phòng"
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Nghiệp vụ lưu trú
Mã nghề: 40810202
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nêu được vai trò, nhiệm vụ của bộ phận Buồng trong hoạt động của khách sạn;

+ Mô tả được vai trò, nhiệm vụ của nhân viên Buồng;

+ Mô tả được các vị trí công việc và các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong bộ phận Buồng;

+ Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất vệ sinh sử dụng tại bộ phận Buồng và công dụng của chúng;

+ Liệt kê được các loại đồ cung cấp cho buồng khách;

+ Mô tả được các loại buồng, loại giường trong khách sạn;

+ Trình được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn buồng phòng khách sạn;

+ Giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong khách sạn nói chung và bộ phận Buồng nói riêng để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

+ Kể tên được các dịch vụ bổ sung tại bộ phận Buồng phòng khách sạn;

+ Giải thích được các tiêu chuẩn các dịch vụ và các quy trình vệ sinh tại bộ phận Buồng phòng khách sạn.

- Kỹ năng:

+ Giao tiếp được với khách hàng bằng tiếng Việt và Anh, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách tại bộ phận Buồng;

+ Giao tiếp được với các bộ phận có liên quan;

+ Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất vệ sinh;

+ Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận Buồng;

+ Thực hiện được các kỹ thuật, phương pháp làm vệ sinh một cách an toàn đối với các loại bề mặt khác nhau trong khách sạn;

+ Thực hiện được việc cung cấp các dịch vụ bổ sung tại bộ phận buồng phòng khách sạn;

+ Giám sát được các tiêu chuẩn và các quy trình vệ sinh.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

+ Nắm được một số vấn đề về tham nhũng; nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng; ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng;

+ Nêu và thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân; biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Trình bày và thể hiện được kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Trình bày và thực hiện được kiến thức cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi tốt nghiệp Trung cấp nghề Nghiệp vụ Lưu trú học sinh sẽ làm việc được tại các vị trí công việc khác nhau tại bộ phận Buồng phòng trong khách sạn như: nhân viên Buồng phòng, nhân viên vệ sinh khu vực công cộng, nhân viên giặt là, nhân viên thư ký, giám sát viên của bộ phận Buồng phòng trong khách sạn.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1705 giờ; Thời gian học tự chọn: 635 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 572 giờ; Thời gian học thực hành: 1768 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1705**	**350**	**1265**	**90**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	165	100	53	12
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	45	35	5	5
MH 08	Quan hệ và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	60	30	27	3
MH 09	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MH 10	Môi trường du lịch	30	15	13	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1540**	**250**	**1212**	**78**
MĐ 11	Phục vụ buồng, phòng khách	180	60	105	15
MĐ 12	Phục vụ các khu vực công cộng	90	30	50	10
MĐ 13	Thực hiện các công việc vệ sinh không thường xuyên	30	5	20	5
MĐ 14	An toàn an ninh khách sạn	30	10	18	2
MĐ 15	Kiểm soát an toàn và an ninh bộ phận buồng phòng	45	20	20	5
MĐ 16	Cung cấp dịch vụ bổ sung tại bộ phận buồng phòng	75	20	45	10
MĐ 17	Giám sát tiêu chuẩn và các quy trình vệ sinh	45	15	25	5
MĐ 18	Nghiệp vụ lễ tân	45	15	27	3
MĐ 19	Nghiệp vụ nhà hàng	45	15	27	3
MĐ 20	Thực tập nghiệp vụ năm 1 (tại cơ sở)	300	0	300	*
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp năm 2 (tại cơ sở)	400	0	400	*
MĐ 22	Tiếng Anh chuyên ngành	255	60	175	20
	Tổng cộng	**1915**	**456**	**1352**	**107**

** Ghi chú: Thực tập nghiệp vụ chỉ đạt yêu cầu khi nhận được bảng đánh giá ĐẠT từ doanh nghiệp thực tập.*

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Tiếng Anh nâng cao	350	90	240	20
MH 24	Marketing du lịch	45	30	13	2
MĐ 25	Thực hiện công việc quản gia khu biệt thự	60	20	35	5
MH 26	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	27	15	3
MĐ 27	Tin học ứng dụng	60	20	35	5
MH 28	Nghiệp vụ văn phòng	30	18	10	2
MĐ 29	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	27	3
MH 30	Tổ chức kinh doanh khách sạn	45	27	15	3
MĐ 31	Tổ chức sự kiện	45	15	30	5
MH 32	Quản trị học	45	27	15	3
MH 33	Kế toán khách sạn	45	27	15	3
	Tổng cộng	**815**	**316**	**450**	**54**

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền.

- Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 7 trong số 11 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Tiếng Anh nâng cao	350	90	240	20
MH 24	Marketing du lịch	45	30	13	2
MĐ 25	Thực hiện công việc quản gia khu biệt thự	60	20	35	5
MH 26	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	27	15	3
MĐ 27	Tin học ứng dụng	60	20	35	5
MH 28	Nghiệp vụ văn phòng	30	20	8	2
MĐ 29	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	27	3
	Tổng cộng	**635**	**222**	**373**	**40**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết	Không quá 180 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/ sinh viên) Không quá 8 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số khách sạn 3-4-5 sao.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo 30% thời gian dành cho lý thuyết và 70% dành cho thực hành, nhưng tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị của từng Cơ sở dạy nghề và theo vùng, miền, các Cơ sở dạy nghề có thể xác định các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: tham quan nơi thực tập sản xuất cho học sinh biết được những công việc sau khi ra trường và học tập tác phong công nghiệp, các hoạt động tập thể dã ngoại nhằm nâng cao các kỹ năng sinh hoạt tập thể, các kỹ năng về tổ chức./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quản trị buồng phòng
Mã nghề: 50810202
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nêu được vai trò, nhiệm vụ của bộ phận Buồng trong hoạt động của khách sạn;

+ Mô tả được vai trò, nhiệm vụ, các vị trí công việc và các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong bộ phận Buồng phòng;

+ Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất vệ sinh sử dụng tại bộ phận Buồng và công dụng của chúng;

+ Mô tả được các loại buồng, loại giường trong khách sạn;

+ Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn buồng phòng khách sạn;

+ Giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong khách sạn nói chung và bộ phận Buồng phòng nói riêng để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

+ Giải thích được các nguyên tắc quản lý nhân sự, quản lý hành chính trong bộ phận Buồng phòng;

+ Trình bày được kế hoạch đào tạo cho nhân viên bộ phận Buồng phòng;

+ Nêu được các trang thiết bị và các loại đồ cung cấp cho buồng khách;

+ Trình bày được nguyên tắc quản lý những thiết bị, dụng cụ, hóa chất, đồ cung cấp và vật tư cho bộ phận Buồng phòng;

+ Nêu được những rủi ro trong bộ phận Buồng phòng;

+ Giải thích được các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của bộ phận Buồng phòng;

+ Giải thích được các nội quy, quy định của bộ phận Buồng phòng và các quy trình tiêu chuẩn;

+ Giải thích được những nguyên tắc quản lý chung bộ phận Buồng phòng.

- Kỹ năng:

+ Giao tiếp được với khách hàng bằng tiếng Việt và Anh, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách của từng vị trí công việc tại bộ phận Buồng phòng;

+ Giao tiếp được với các bộ phận có liên quan;

+ Sử dụng được các loại trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất vệ sinh;

+ Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận Buồng;

+ Thực hiện được các kỹ thuật, phương pháp làm vệ sinh đúng cách và an toàn đối với các loại bề mặt khác nhau trong khách sạn;

+ Quản lý được nhân sự bộ phận Buồng phòng;

+ Quản lý được trang thiết bị buồng khách và vật tư hàng hóa của bộ phận Buồng phòng;

+ Giám sát và quản lý được tiêu chuẩn chất lượng của bộ phận buồng;

+ Sắp xếp được thời gian làm việc hiệu quả;

+ Thực hiện được việc đào tạo nhân viên;

+ Xử lý được những rủi ro trong bộ phận Buồng phòng;

+ Quản lý được công việc hành chính bộ phận Buồng phòng;

+ Xây dựng được các nội quy, quy định của bộ phận Buồng và các quy trình tiêu chuẩn;

+ Quản lý được an toàn và an ninh bộ phận Buồng phòng;

+ Tổ chức, phục vụ được các sự kiện và tiệc tại khu biệt thự.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

+ Có hiểu biết về tham nhũng; nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng; ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng;

+ Nêu và thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân; biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Trình bày và thể hiện được kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Trình bày và thực hiện được kiến thức cơ bản trong chương trình giáo dục Quốc phòng - An ninh;

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương trình giáo dục Quốc phòng - An ninh; có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng nghề Quản trị Buồng phòng, sinh viên làm việc được tại các vị trí công việc khác nhau tại bộ phận Buồng phòng trong các cơ sở kinh doanh lưu trú như: nhân viên Buồng phòng, nhân viên vệ sinh khu vực công cộng, nhân viên giặt là, nhân viên thư ký, giám sát viên của bộ phận Buồng phòng, trợ lý trưởng bộ phận Buồng phòng, trưởng bộ phận Buồng phòng trong các cơ sở kinh doanh lưu trú như khách sạn, khu nghỉ dưỡng hoặc tàu du lịch, giảng viên dạy thực hành nghề cho các lớp sơ cấp buồng phòng trong các trường dạy nghề Khách sạn.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2410 giờ; Thời gian học tự chọn: 890 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 863 giờ; Thời gian học thực hành: 2437 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học cơ bản	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2410**	**597**	**1706**	**107**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**240**	**148**	**79**	**13**
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	45	35	8	2
MH 08	Marketing du lịch	45	30	13	2
MH 09	Quan hệ và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	60	30	27	3
MH 10	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MH 11	Nghiệp vụ văn phòng	30	18	10	2
MH 12	Môi trường du lịch	30	15	13	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2170**	**449**	**1627**	**94**
MĐ 13	Phục vụ buồng, phòng khách	180	60	105	15
MĐ 14	Phục vụ các khu vực công cộng	90	30	50	10
MĐ 15	Thực hiện các công việc vệ sinh không thường xuyên	30	5	20	5
MĐ 16	An toàn an ninh khách sạn	30	10	18	2
MĐ 17	Kiểm soát an toàn và an ninh bộ phận Buồng phòng	45	20	20	5
MĐ 18	Cung cấp dịch vụ bổ sung tại bộ phận Buồng phòng	75	20	45	10
MĐ 19	Giám sát tiêu chuẩn và các quy trình vệ sinh	45	15	27	3
MĐ 20	Nghiệp vụ lễ tân	45	15	27	3
MĐ 21	Nghiệp vụ nhà hàng	45	15	27	3
MH 22	Kỹ năng giám sát	30	20	8	2
MH 23	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	45	27	15	3
MH 24	Quản trị nguồn nhân lực	45	27	15	3
MĐ 25	Tổ chức quản lý và đào tạo tại bộ phận Buồng phòng	120	40	70	10
MĐ 26	Thực tập nghiệp vụ năm 1 (tại cơ sở)	300	0	300	*

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Thực tập nghiệp vụ năm 2 (tại cơ sở)	400	0	400	*
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp năm 3 (tại cơ sở)	300	0	300	*
MĐ 29	Tiếng Anh chuyên ngành	345	145	180	20
	Tổng cộng	**2860**	**817**	**1906**	**137**

** Ghi chú: Thực tập nghiệp vụ chỉ đạt yêu cầu khi nhận được bản nhận xét, đánh giá ĐẠT từ doanh nghiệp thực tập*

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Tiếng Anh nâng cao	500	100	380	20
MĐ 31	Thực hiện công việc quản gia khu biệt thự	60	20	35	5
MH 32	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	27	15	3
MĐ 33	Tin học ứng dụng	60	20	35	5
MH 34	Kế toán khách sạn	45	27	15	3
MĐ 35	Tổ chức sự kiện	45	15	32	3
MH 36	Quản trị học	45	27	15	3
MĐ 37	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	32	3
MĐ 38	Tổ chức phục vụ tiệc	45	15	25	5
MH 39	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp, Trung, Nga, Hàn, Nhật)	160	60	85	15
MH 40	Tổ chức kinh doanh khách sạn	45	27	15	3
MH 41	Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch khách sạn	45	20	22	3
	Tổng cộng	**1140**	**373**	**706**	**71**

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền.

- Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình.

Ví dụ: có thể lựa chọn 9 trong số 12 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Tiếng Anh nâng cao	500	100	380	20
MĐ 31	Thực hiện công việc quản gia khu biệt thự	60	20	35	5
MH 32	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	27	15	3
MĐ 33	Tin học ứng dụng	60	20	35	5
MH 34	Kế toán khách sạn	45	27	15	3
MĐ 35	Tổ chức sự kiện	45	15	27	3
MH 36	Quản trị học	45	27	15	3
MĐ 37	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	27	3
MĐ 38	Tổ chức phục vụ tiệc	45	15	25	5
	Tổng cộng	**890**	**266**	**574**	**50**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 180 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 8 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số khách sạn 3-4-5 sao.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo 30% thời gian dành cho lý thuyết và 70% dành cho thực hành, nhưng tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị của từng Cơ sở dạy nghề và vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể xác định các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp hơn.

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề.

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

Phụ lục 02
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Điều hành tour du lịch"
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Điều hành tour du lịch
Mã nghề: 40810105
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở phải học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 25
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nghề Điều hành tour du lịch;

+ Trình bày được cơ cấu tổ chức của ngành du lịch Việt Nam;

+ Trình bày được quy trình lập, lưu trữ, quản lý hồ sơ khách hàng và các nhà cung ứng dịch vụ;

+ Trình bày được quy trình điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;

+ Xác định được các nguyên tắc xử lý tình huống trong quá trình điều hành thực hiện chương trình du lịch;

+ Liệt kê được các công việc trong quy trình tổng kết, đánh giá kết thúc quá trình điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;

+ Trình bày được các bước xây dựng chương trình du lịch;

+ Trình bày được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng;

+ Trình bày được những đặc điểm cơ bản của các tuyến điểm du lịch; các bước xây dựng chương trình du lịch; các phương thức tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, tâm lý và giao tiếp ứng xử với khách du lịch... trong điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Kỹ năng:

+ Lập, lưu trữ, quản lý được hồ sơ khách hàng và các nhà cung ứng dịch vụ;

+ Điều hành và giám sát được việc thực hiện chương trình du lịch hiệu quả;

+ Điều phối và phát triển được các dịch vụ trong chương trình du lịch phù hợp;

+ Thiết kế được các chương trình du lịch đáp ứng yêu cầu của khách hàng;

+ Tổ chức được việc tiếp thị, kinh doanh trong lĩnh vực lữ hành;

+ Xử lý được các tình huống trong quá trình điều hành tour du lịch;

+ Tổng kết đánh giá được việc thực hiện chương trình du lịch;

+ Thiết lập và duy trì được tốt mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ và những tổ chức liên quan;

+ Chăm sóc được khách hàng chu đáo, chuyên nghiệp;

+ Xác định được nhu cầu của thị trường khách và khả năng cung ứng của doanh nghiệp;

+ Giao tiếp được với khách bằng tiếng Anh ở trình độ cơ bản;

+ Phối hợp tốt với đồng nghiệp, khách hàng và các đối tác có liên quan;

+ Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc, có khả năng soạn thảo văn bản;

+ Sử dụng được thành thạo một số thiết bị văn phòng cho nghề Điều hành tour du lịch;

+ Tổ chức được làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức, thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nêu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, về Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;

+ Có hiểu biết về thành tựu và định hướng phát triển của ngành Du lịch Việt Nam;

+ Yêu nghề, có tác phong và thái độ phục vụ đúng đắn, phù hợp với thực tiễn ngành, nghề;

+ Có khả năng và thái độ tích cực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Luôn có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Xác định được các phương pháp rèn luyện thể chất và lựa chọn được phương pháp thích hợp bản thân;

+ Nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao và áp dụng được để tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Hình thành được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;

+ Tích lũy được một số kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Trung cấp nghề, học sinh có thể đảm đương được các vị trí như: Nhân viên đại lý lữ hành; Nhân viên bán chương trình du lịch; Trợ lý điều hành tour du lịch; Nhân viên điều hành tour du lịch và các vị trí khác trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2565 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2355 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1710 giờ; Thời gian học tự chọn: 645 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 790 giờ; Thời gian học thực hành: 1665 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1710**	**301**	**1334**	**75**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**120**	**57**	**55**	**8**
MH 07	Tổng quan du lịch	45	27	15	3
MĐ 08	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp	75	30	40	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1590**	**244**	**1279**	**67**
MĐ 09	Tiếng Anh chuyên ngành	270	45	210	15
MĐ 10	Tuyến, điểm du lịch	90	28	56	6
MH 11	Quản trị quan hệ khách hàng	60	41	15	4
MĐ 12	Nghiệp vụ hướng dẫn	240	46	180	14
MĐ 13	Nghiệp vụ điều hành tour	420	84	308	28
MĐ 14	Thực hành nghề tại cơ sở	510	0	510	0
Tổng cộng		**1920**	**406**	**1396**	**88**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng của ngành nghề và của vùng, miền từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết về nhân lực du lịch theo đặc thù địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

Gợi ý danh mục môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 16 môn học, mô đun chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 15	Nghiệp vụ văn phòng	60	15	41	4
MĐ 16	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	27	**3**
MĐ 17	Tin học ứng dụng	60	15	41	4
MH 18	Marketing du lịch	60	42	14	4
MH 19	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam	60	41	15	4
MH 20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	75	42	28	5
MĐ 21	Tổ chức sự kiện	75	30	40	5
MH 22	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	60	42	14	4
MH 23	Văn hóa ẩm thực	45	42	0	3
MH 24	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	43	13	4
MH 25	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Xây dựng thực đơn	30	14	14	2
MH 27	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	45	30	12	3
MĐ 28	Nghiệp vụ lưu trú	60	28	28	4
MH 29	Địa lý du lịch thế giới	45	42	0	3
MH 30	Các nền văn minh thế giới	45	42	0	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù riêng của ngành nghề và của vùng, miền từng địa phương.

- Nếu Cơ sở dạy nghề không chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học, từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo thời gian thực học tối thiểu theo quy định trong chương trình khung.

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các trường cần căn cứ vào đặc thù về nhu cầu nguồn nhân lực của vùng, miền và điều kiện cụ thể của trường như:

+ Nhu cầu của người học và nhu cầu của các doanh nghiệp;

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 8 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định: tổng số giờ 645 giờ chiếm 27% tổng thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 15	Nghiệp vụ văn phòng	60	15	41	4
MĐ 16	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 17	Tin học ứng dụng	60	15	41	4
MH 18	Marketing du lịch	60	42	14	4
MH 19	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam	60	41	15	4
MH 20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	75	42	28	5
MĐ 21	Tổ chức sự kiện	75	30	40	5
MH 22	Môi trường và an ninh an toàn trong du lịch	60	42	14	4
MH 23	Văn hóa ẩm thực	45	28	14	3
MH 24	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	43	13	4
MH 25	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3
Tổng cộng		**645**	**355**	**247**	**43**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghiệp vụ điều hành tour du lịch - Thực hành nghiệp vụ vụ điều hành tour du lịch - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Thực hành nghiệp vụ Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị; 20 phút trả lời) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho học sinh. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường bố trí tham quan một số cơ sở kinh doanh kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng... phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến quy chế đào tạo, nội quy của trường, lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt	5 giờ đến 6 giờ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng; - Ngày thành lập Đảng, Đoàn; - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm.	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

4. Các chú ý khác

4.1. Chú ý xây dựng chương trình dạy nghề

- Căn cứ Chương trình khung đã ban hành các cơ sở sẽ xây dựng Chương trình dạy nghề và lựa chọn môn học, mô đun đào tạo phù hợp vùng, miền và địa phương.

- Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương dạy nghề của trường mình để dễ theo dõi quản lý.

4.2. Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường *(tùy từng đợt thực hành)* đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Học sinh thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Điều hành tour du lịch. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn *(có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở)* hướng dẫn học sinh;

+ Thực hành các nghiệp vụ điều hành tour du lịch *(có giáo viên hướng dẫn)* tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch;...

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Điều hành tour du lịch
Mã nghề: 50810105
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nghề Điều hành tour du lịch;

+ Trình bày được cơ cấu tổ chức của ngành du lịch Việt Nam;

+ Trình bày được quy trình lập, lưu trữ, quản lý hồ sơ khách hàng và các nhà cung ứng dịch vụ;

+ Trình bày được quy trình điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;

+ Xác định được các nguyên tắc xử lý tình huống trong quá trình điều hành thực hiện chương trình du lịch;

+ Trình bày được các bước xây dựng chương trình du lịch;

+ Liệt kê được các công việc trong quy trình tổng kết, đánh giá kết thúc quá trình điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;

+ Xác định được những nội dung cơ bản của quản trị kinh doanh lữ hành: nghiên cứu thị trường, xây dựng và lựa chọn phương án kinh doanh lữ hành, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành, kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả kinh doanh lữ hành, quản trị chất lượng dịch vụ lữ hành, quản trị nhân lực, quản trị cơ sở vật chất, an ninh an toàn bảo vệ môi trường và quản trị tài chính trong kinh doanh lữ hành;

+ Trình bày được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về tuyến điểm du lịch, các phương thức tổ chức xúc tiến, tâm lý và giao tiếp ứng xử với khách du lịch trong điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Kỹ năng:

+ Lập, lưu trữ, quản lý được hồ sơ khách hàng và các nhà cung ứng dịch vụ;

+ Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và điều hành được chương trình du lịch hiệu quả;

+ Điều phối và phát triển được các dịch vụ trong chương trình du lịch phù hợp;

+ Thiết kế được các chương trình du lịch ứng đáp ứng yêu cầu của khách hàng;

+ Phát triển và kinh doanh được các sản phẩm lữ hành mới trong và ngoài nước;

+ Xử lý được hiệu quả các tình huống trong quá trình điều hành tour du lịch;

+ Tổng kết đánh giá và đề ra được các giải pháp nâng cao hiệu quả điều hành tour du lịch;

+ Thiết lập và duy trì được tốt mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ và những tổ chức liên quan;

+ Chăm sóc được khách hàng chu đáo, chuyên nghiệp;

+ Đánh giá được nhu cầu của thị trường khách và khả năng cung ứng của doanh nghiệp;

+ Đánh giá được các đặc điểm cơ bản của các tuyến điểm du lịch;

+ Giao tiếp được bằng Tiếng Anh trong quá trình điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;

+ Đàm phán và phối hợp tốt với khách hàng và các đối tác;

+ Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc, có khả năng soạn thảo văn bản;

+ Sử dụng thành thạo một số thiết bị văn phòng cho nghề Điều hành tour du lịch;

+ Tổ chức được làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách và đường lối phát triển kinh tế của Đảng, về Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;

+ Có hiểu biết về thành tựu và định hướng phát triển của ngành Du lịch Việt Nam;

+ Yêu nghề, có tác phong và thái độ phục vụ đúng đắn, phù hợp với thực tiễn ngành, nghề;

+ Có khả năng và thái độ tích cực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Luôn có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Xác định được các phương pháp rèn luyện thể chất và lựa chọn được phương pháp thích hợp bản thân;

+ Nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao và áp dụng được để tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Hình thành được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Tích lũy được một số kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, sinh viên sẽ làm việc được tại các vị trí như: nhân viên đại lý lữ hành; nhân viên bán chương trình du lịch; nhân viên điều hành tour du lịch; trợ lý điều hành tour du lịch; trưởng nhóm nghiệp vụ, quản lý bộ phận nghiệp vụ và các vị trí khác trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

Ngoài ra sinh viên có năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2490 giờ; Thời gian học tự chọn: 810 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1036 giờ; Thời gian học thực hành: 2264 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2490**	**479**	**1896**	**115**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**180**	**73**	**95**	**12**
MH 07	Tổng quan du lịch	45	27	15	3
MĐ 08	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp	75	30	40	5
MĐ 09	Nghiệp vụ văn phòng	60	18	38	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2310**	**406**	**1801**	**103**
MĐ 10	Tiếng Anh chuyên ngành	420	60	332	28
MĐ 11	Tuyến, điểm du lịch	120	45	67	8
MH 12	Quản trị kinh doanh lữ hành	120	82	30	8
MH 13	Quản trị quan hệ khách hàng	60	41	15	4
MĐ 14	Nghiệp vụ hướng dẫn	300	60	221	19
MĐ 15	Nghiệp vụ điều hành tour	540	118	386	36
MĐ 16	Thực hành nghề tại cơ sở	750	0	750	
	Tổng cộng	**2940**	**699**	**2096**	**145**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng của ngành nghề và của vùng, miền từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết về nhân lực du lịch theo đặc thù địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

Gợi ý danh mục môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 18 môn học, mô đun chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 17	Nghiệp vụ thanh toán	60	20	36	4
MH 18	Marketing du lịch	75	42	28	5
MĐ 19	Tin học ứng dụng	60	15	41	4
MH 20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	90	56	28	6
MH 21	Các nền văn minh thế giới	45	42	0	3
MĐ 22	Tổ chức sự kiện	75	27	43	5
MH 23	Môi trường và an ninh, an toàn trong du lịch	60	42	14	4
MH 24	Địa lý và tài nguyên du lịch	90	69	15	6
MH 25	Văn hóa ẩm thực	45	42	0	3
MH 26	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	45	30	12	3
MH 27	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3
MH 28	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	43	13	4
MH 29	Phân tích hoạt động kinh doanh lữ hành	60	32	25	3
MH 30	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	75	40	30	5
MH 31	Quản trị doanh nghiệp	60	56	0	4
MĐ 32	Nghiệp vụ lưu trú	90	27	57	6
MĐ 33	Xây dựng thực đơn	30	14	14	2
MĐ 34	Nguyên lý kế toán	45	42	0	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù riêng của ngành nghề và của vùng, miền từng địa phương.

- Nếu Cơ sở dạy nghề không chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học/từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo thời gian thực học tối thiểu theo quy định trong chương trình khung.

- Để xác định danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn, các trường cần căn cứ vào đặc thù về nhu cầu nguồn nhân lực của vùng miền và điều kiện cụ thể của trường như:

+ Nhu cầu của người học và nhu cầu của các doanh nghiệp;

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các cơ sở dạy nghề có thể tham khảo13 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định theo Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổng số giờ là 810 giờ chiếm 24,5% tổng thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề.

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 17	Nghiệp vụ thanh toán	60	20	36	4
MH 18	Marketing du lịch	75	42	28	5
MĐ 19	Tin học ứng dụng	60	15	41	4
MH 20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	90	56	28	6
MH 21	Các nền văn minh thế giới	45	42	0	3
MĐ 22	Tổ chức sự kiện	75	27	43	5
MH 23	Môi trường và an ninh, an toàn trong du lịch	60	42	14	4
MH 24	Địa lý và tài nguyên du lịch	90	69	15	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Văn hóa ẩm thực	45	42	0	3
MH 26	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	45	30	12	3
MH 27	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3
MH 28	Đại cương lịch sử Việt Nam	60	43	13	4
MH 29	Phân tích hoạt động kinh doanh lữ hành	60	32	25	3
Tổng cộng		**810**	**502**	**255**	**53**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghiệp vụ điều hành tour du lịch - Thực hành nghiệp vụ điều hành tour du lịch - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Thực hành nghiệp vụ Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị; 20 phút trả lời/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường bố trí tham quan một số cơ sở kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng... phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

4. Các chú ý khác

4.1. Chú ý xây dựng chương trình dạy nghề

- Căn cứ Chương trình khung đã ban hành các cơ sở sẽ xây dựng Chương trình dạy nghề và lựa chọn môn học, mô đun đào tạo phù hợp vùng, miền và địa phương.

- Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương dạy nghề của trường mình để dễ theo dõi quản lý.

4.2. Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung sinh viên đã được học tại trường *(tùy từng đợt thực hành)* đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Điều hành tour du lịch. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn *(có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở)* hướng dẫn sinh viên;

+ Thực hành các nghiệp vụ Điều hành tour du lịch *(có giáo viên hướng dẫn)* tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch...;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 03
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Công nghệ may Veston"
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã nghề: 40540208
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức các môn cơ sở như vật liệu may, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ để thực hiện các nhiệm vụ, các bước công việc của công nghệ may Veston;

+ Hiểu được tính chất cơ bản của các loại nguyên phụ liệu: vải, các phụ liệu dựng, các phụ liệu liên kết;

+ Hiểu được tính chất cơ bản về phương pháp thiết kế các sản phẩm Veston;

+ Biết được nguyên lý vận hành đảm bảo an toàn, tính năng, tác dụng và bảo quản một số thiết bị cơ bản trên dây chuyền công nghệ may Veston;

+ Nắm được phương pháp may các chi tiết và may lắp ráp các chi tiết trên sản phẩm Veston, kiểm tra được sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng sản phẩm theo yêu cầu may công nghiệp Veston;

+ Hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của lao động của công nghệ may Veston về an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ;

+ Nắm được kỷ luật công nghiệp và tác phong công nghiệp;

+ Đọc hiểu tài liệu thông dụng bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phụ trợ trên dây chuyền công nghệ may Veston: máy may 1 kim, máy tra tay, máy thùa khuyết, máy đính cúc;

+ Vận hành thiết bị an toàn và đúng quy trình kỹ thuật để thực hiện các đường may như đường may can, đường may mí, đường may tra, đường may đột, thùa khuyết, đính cúc đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ May các chi tiết trên sản phẩm Veston (áo Veston, quần âu, váy) như ngả túi thân trước, may cổ, may tay, may cửa quần kéo khóa, may cạp đạt yêu cầu chất lượng của tài liệu kỹ thuật;

+ May lắp ráp các chi tiết trên sản phẩm Veston (áo Veston, quần âu, váy) như may vai, tra cổ, tra tay, tra mí cạp, may dọc - giàng quần, thùa khuyết, đính cúc đạt yêu cầu chất lượng của tài liệu kỹ thuật;

+ Có khả năng làm việc độc lập trên các công đoạn may của dây chuyền may Veston;

+ Thực hiện được an toàn trong lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam để kế thừa truyền thống và phát triển năng lực trong giai đoạn tới, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm trong việc phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

+ Yêu nghề có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

+ Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có sức khỏe để tham gia học tập và làm việc trong ngành May;

+ Hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện theo nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp Trung cấp nghề học sinh có thể trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền may của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Tham gia sản xuất trong các công đoạn của các doanh nghiệp may.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ (Trong đó thời gian thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1950 giờ; Thời gian học tự chọn: 390 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 543 giờ; Thời gian học thực hành: 1797 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải tuân theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1950**	**432**	**1439**	**78**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**195**	**126**	**54**	**15**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	13	14	3
MH 08	Nhân trắc học	45	28	15	2
MH 09	Cơ sở thiết kế trang phục	30	20	6	4
MH 10	Vật liệu may	30	23	5	2
MH 11	An toàn lao động	30	24	4	2
MH 12	Thiết bị ngành may	30	18	10	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1755**	**306**	**1385**	**63**
MĐ 13	Thiết kế bộ Veston nam	150	39	105	6
MĐ 14	Thiết kế bộ Veston nữ	110	23	82	5
MĐ 15	Thiết kế mẫu công nghiệp	60	16	35	9
MĐ 16	Cắt và chuẩn bị bán thành phẩm công nghiệp	45	8	31	6
MĐ 17	Thiết bị sản xuất Veston	45	9	33	2
MĐ18	Công nghệ may bộ Veston nam I	200	36	158	6
MĐ 19	Công nghệ may bộ Veston nam II	150	10	135	5
MĐ 20	Công nghệ may bộ Veston nữ	230	11	215	4
MĐ 21	Hoàn thiện sản phẩm Veston	45	17	26	2
MH 22	Quản lý chất lượng sản phẩm	45	25	18	2
MĐ 23	Thiết kế công nghệ chuyền may bộ Veston nam	150	40	108	2
MĐ 24	Thiết kế công nghệ chuyền may bộ Veston nữ	130	30	98	2
MĐ 25	Thiết kế công nghệ sản xuất	75	9	62	4
MĐ 26	Tổ chức sản xuất chuyền Veston	60	10	49	1
MĐ 27	Thực tập sản xuất	110	8	100	2
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	150	15	130	5
Tổng cộng		**2160**	**538**	**1526**	**95**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 29	Lịch sử và xu hướng thời trang	30	18	11	1
MH 30	Marketing dệt may	30	18	11	1
MĐ 31	Thiết kế trên máy tính	30	9	20	1
MĐ 32	Thiết kế, cắt, may áo măng tô	120	9	109	2
MĐ 33	Thiết kế, cắt, may áo gile	90	10	79	1
MĐ 34	Tiếng Anh chuyên ngành	45	14	28	3
MĐ 35	Giác sơ đồ trên máy tính	45	14	30	1
MĐ 36	Quản lý thiết bị chuyền	45	13	30	2
MĐ 37	Điều độ sản xuất	60	18	39	3
MH 38	Thiết bị là ép phom sản phẩm Veston	60	35	23	2
MĐ 39	Thiết kế và phát triển thương hiệu	60	20	38	2
MĐ 40	Xây dựng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất Veston	60	22	35	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Công nghệ may Veston ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Ví dụ: Có thể chọn trong các môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 29	Lịch sử và xu hướng thời trang	30	18	11	1
MH 30	Marketing dệt may	30	18	11	1
MĐ 31	Thiết kế trên máy tính	30	9	20	1
MĐ 32	Thiết kế, cắt, may áo măng tô	120	9	109	2
MĐ 33	Thiết kế, cắt, may áo gile	90	10	79	1
MĐ 34	Tiếng Anh chuyên ngành	45	14	28	3
MĐ 35	Giác sơ đồ trên máy tính	45	14	30	1
Tổng cộng		**390**	**92**	**288**	**10**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút
	Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 16 giờ
	Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 16 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho học sinh.

Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình, tạp chí thời trang, máy tính kết nối internet tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các trường nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh hàng may mặc phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11...	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm - Rèn luyện ý thức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	- Rèn luyện ý thức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất	Tập trung nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của Trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã nghề: 50540208
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức

+ Nắm vững các kiến thức cơ bản như vật liệu may, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ để thực hiện các nhiệm vụ, các bước công việc của công nghệ may Veston;

+ Trình bày các kiến thức về quy trình các công đoạn trong dây chuyền sản xuất Veston;

+ Trình bày được các kiến thức về phương pháp thiết kế các sản phẩm Veston (áo Veston nam, áo Veston nữ, quần âu nam, quần âu nữ, váy);

+ Nắm vững các kiến thức về thiết kế công nghệ Veston (áo Veston nam, áo Veston nữ, quần âu nam, quần âu nữ, váy);

+ Nắm vững các kiến thức về công nghệ may sản phẩm Veston (áo Veston nam, áo Veston nữ, quần âu nam, quần âu nữ, váy);

+ Trình bày các phương pháp xác định năng lực sản xuất, lập kế hoạch, phân tích năng suất để có những phương án điều tiết trong hoạt động sản xuất;

+ Trình bày được nguyên tắc chế tạo các thiết bị phụ trợ trong quá trình sản xuất;

+ Trình bày phương pháp quản lý các thiết bị trong hoạt động sản xuất công nghệ Veston (các thiết bị may, là ép, các loại máy chuyên dụng);

+ Vận hành thiết bị an toàn, phương pháp may đúng quy trình kỹ thuật và trình bày được nguyên tắc kiểm tra khi thực hiện các đường may đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ khi sử dụng các thiết bị;

+ Đọc, hiểu được các tài liệu ngành may bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phụ trợ trên dây chuyền công nghệ may Veston an toàn và đúng quy trình kỹ thuật;

+ Xây dựng được quy trình và phương pháp kiểm tra từng bước, từng công đoạn trên dây chuyền sản xuất Veston (thiết kế, cắt, quy trình công nghệ...);

+ Có khả năng xác định năng lực sản xuất, lập kế hoạch, phân tích năng suất để có những phương án điều tiết trong hoạt động sản xuất;

+ Có khả năng chế tạo các loại thiết bị hỗ trợ trong quá trình sản xuất;

+ May và kiểm tra được các chi tiết trên sản phẩm Veston đạt yêu cầu chất lượng của tài liệu kỹ thuật;

+ Thực hiện được an toàn trong lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Nắm vững một số biện pháp tham nhũng theo quy định hiện hành;

+ Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Rèn luyện thân thể bảo đảm sức khỏe học tập và công tác khi ra trường, phù hợp với lao động nghề nghiệp;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông để thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp sinh viên tham gia sản xuất và thiết kế thời trang tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước:

+ Các nhà may tư nhân;

+ Các hãng thời trang;

+ Các viện mốt thời trang (Là nhân viên nghiên cứu và làm nhiệm vụ tư vấn về xu hướng thời trang mới);

+ Ngoài ra sinh viên có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2910 giờ; Thời gian học tự chọn: 390 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 857 giờ; Thời gian học thực hành: 2443 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2907**	**718**	**2091**	**98**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**270**	**157**	**92**	**18**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	13	14	3
MH 08	Nhân trắc học	45	28	15	2
MH 09	Cơ sở thiết kế trang phục	30	18	10	2
MH 10	Vật liệu may	45	33	9	3
MH 11	An toàn lao động	30	24	4	2
MĐ 12	Thiết bị may cơ bản	45	19	23	3
MH 13	Marketing dệt may	45	25	17	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2640**	**561**	**1999**	**80**
MĐ 14	Thiết kế bộ Veston nam	210	50	155	5
MĐ 15	Thiết kế bộ Veston nữ	150	35	110	5
MĐ 16	Thiết kế mẫu công nghiệp	90	15	70	5
MĐ 17	Tiếng anh chuyên ngành	60	20	36	4
MĐ 18	Thiết kế trên máy tính	90	25	61	4
MĐ 19	Cắt và chuẩn bị bán thành phẩm công nghiệp	90	25	62	3
MĐ 20	Thiết bị sản xuất Veston	60	20	38	2
MĐ 21	Công nghệ may bộ Veston nam I	230	45	179	6
MĐ 22	Công nghệ may bộ Veston nam II	170	10	155	5
MĐ 23	Công nghệ may bộ Veston nữ	280	13	261	6
MĐ24	Hoàn thiện bộ sản phẩm Veston	60	20	38	2
MH 25	Quản lý chất lượng	60	39	18	3
MĐ 26	Thiết kế công nghệ chuyền may bộ Veston nam	180	50	125	5
MĐ 27	Thiết kế công nghệ chuyền may Veston nữ	150	30	115	5
MĐ 28	Kỹ thuật chế tạo cữ dưỡng	90	20	67	3
MĐ 29	Quản lý thiết bị chuyền	90	30	58	2
MĐ 30	Điều độ sản xuất	90	32	55	3
MĐ 31	Tổ chức sản xuất chuyền Veston	90	40	48	2
MĐ 32	Thực tập sản xuất	200	20	175	5
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	200	22	173	5
Tổng cộng		**3357**	**938**	**2291**	**128**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
MH 34	Lịch sử và xu hướng thời trang	60	30	27	3
MĐ 35	Thiết kế cắt may áo măng tô	120	10	105	5
MH 36	Thiết bị là ép phom sản phẩm Veston	60	35	23	2
MĐ 37	Hệ thống thiết bị may tự động và bán tự động sản phẩm Veston	90	30	58	2
MĐ 38	Chi phí giá thành sản phẩm Veston	120	45	73	2
MĐ 39	Thiết kế và phát triển thương hiệu	90	30	58	2
MĐ 40	Quản trị doanh nghiệp sản xuất may	150	60	88	2
MH 41	Xây dựng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất Veston	60	38	18	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Công nghệ may Veston ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Ví dụ: Có thể chọn trong các môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
MH 34	Lịch sử và xu hướng thời trang	60	30	27	3
MĐ 35	Thiết kế cắt may áo măng tô	120	10	105	5
MĐ 38	Chi phí giá thành sản phẩm Veston	120	45	73	2
MĐ 39	Thiết kế và phát triển thương hiệu	90	30	58	2
Tổng cộng		**390**	**115**	**263**	**12**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 16 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 16 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm hoặc tập thể thực hiện	Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới; - Ngày thành lập Đảng, đoàn; - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11...	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm; - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường;

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất, viện mốt và kinh doanh thời trang	Tập trung, nhóm	- Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3 - Hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề; - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn; - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để thuận tiện cho quá trình theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 04

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Thiết kế mạch điện tử trên máy tính"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Thiết kế mạch điện tử trên máy tính

Mã nghề: 40480102

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các linh kiện điện tử;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất và ứng dụng của các linh kiện điện tử chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp;

+ Ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tiễn của nghề;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử, các thiết bị trong lĩnh vực thiết kế mạch điện tử;

+ Có kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành;

+ Hiểu và trình bày được các quy trình thiết kế và sản xuất vi mạch;

+ Hiểu và thực hiện được các quy trình bảo dưỡng thiết bị trong công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng được tin học trong công tác văn phòng vào hoạt động nghề;

+ Sử dụng thuần thục các dụng cụ và thiết bị đo kiểm trong thiết kế vi mạch;

+ Đọc được các bản vẽ kỹ thuật của nghề (bản vẽ chi tiết, bản vẽ sơ đồ lắp ráp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý);

+ Vẽ được các sơ đồ nguyên lý mạch điện tử và thiết kế mạch in bằng các phần mềm chuyên dụng;

+ Có khả năng thiết kế được các mạch điện tử cơ bản;

+ Sử dụng được các phần mềm mô phỏng mạch điện;

+ Có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của nghề thiết kế mạch điện tử trên máy tính;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Học sinh sau khi tốt nghiệp nghề thiết kế mạch điện tử trên máy tính trình độ trung cấp nghề có thể làm việc tại:

- Các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử.

- Các dây chuyền sản xuất tự động mạch in.

- Các doanh nghiệp thiết kế và gia công bảng mạch điện tử (PCB).

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1665 giờ; Thời gian học tự chọn: 675 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 693 giờ; Thời gian học thực hành: 1647 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1665**	**471**	**1116**	**78**
II.1	*Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở*	**375**	**166**	**184**	**25**
MH 07	Kỹ năng mềm	15	5	8	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 08	Kiến thức hội nhập WTO	15	15	0	0
MH 09	An toàn lao động	30	15	13	2
MH 10	Vẽ kỹ thuật	30	15	13	2
MH 11	Điện kỹ thuật	60	36	20	4
MĐ 12	Đo lường điện tử	45	20	22	3
MĐ 13	Kỹ thuật điện tử	60	20	36	4
MĐ 14	Kỹ thuật cảm biến	60	20	36	4
MĐ 15	Mạng & Truyền dữ liệu	60	20	36	4
II.2	*Các môn học, mô đun chuyên môn nghề*	**1290**	**305**	**932**	**53**
MĐ 16	Điện tử nâng cao	90	25	62	3
MĐ 17	Điện tử công suất	90	30	54	6
MĐ 18	Vi mạch tương tự	75	25	45	5
MĐ 19	Kỹ thuật xung - số	90	30	55	5
MĐ 20	Thiết kế mạch bằng máy tính 1	120	30	85	5
MĐ 21	Kỹ thuật vi xử lý	90	30	55	5
MĐ 22	Thiết kế mạch bằng máy tính 2	135	45	85	5
MĐ 23	Công nghệ thiết kế IC	120	30	85	5
MĐ 24	Mô phỏng mạch điện tử	90	30	57	3
MĐ 25	Công nghệ chế tạo mạch in	90	20	64	6
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	300	10	285	5
Tổng cộng		**1875**	**577**	**1203**	**95**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục II các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1.

- Thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu được quy định trong Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định trên cơ sở bảng phân tích công việc và bảng đánh giá độ quan trọng của các nhiệm vụ và công việc, gồm 09 môn học, mô đun tự chọn giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Kỹ thuật điều khiển Robot	120	30	84	6
MĐ 28	Kiến trúc máy tính & hệ điều hành	90	30	56	4
MĐ 29	Vẽ kỹ thuật AutoCAD	90	25	61	4
MĐ 30	Lập trình giao tiếp máy tính	75	30	43	2
MĐ 31	Kỹ thuật vi điều khiển	150	45	100	5
MĐ 32	Mạch điện tử ứng dụng	120	30	85	5
MĐ 33	Độ tin cậy hệ thống	45	10	33	2
MĐ 34	PLC cơ bản	120	45	70	5
MH 35	Quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	60	47	9	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do các Cơ sở dạy nghề lựa chọn theo dự kiến trong chương trình khung hoặc tự xây dựng sẽ được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền.

- Chương trình khung dự kiến 07 môn học, mô đun trong danh mục các môn học, mô đun tự chọn với tổng số thời gian học là 675 giờ theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Kiến trúc máy tính & hệ điều hành	90	30	56	4
MĐ 29	Vẽ kỹ thuật Autocad	90	15	72	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Kỹ thuật vi điều khiển	150	45	100	5
MĐ 32	Mạch điện tử ứng dụng	120	30	85	5
MĐ 33	Độ tin cậy hệ thống	45	10	33	2
MĐ 34	PLC cơ bản	120	45	70	5
MH 35	Quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	60	47	9	4
Tổng cộng		**675**	**222**	**425**	**28**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

- Tùy theo điều kiện, yêu cầu của từng vùng, miền và thời điểm cụ thể, các cơ sở dạy nghề có thể tiến hành lựa chọn các mô đun tự chọn theo 1 trong 3 phương án sau đây:

+ Phương án 1: lựa chọn 07 môn học, mô đun trong bảng của mục V, tiểu đề mục 1.2 để đào tạo với tổng số thời gian học là 675 giờ;

+ Phương án 2: xây dựng các môn học, mô đun tự chọn khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định;

+ Phương án 3: kết hợp cả 2 phương án trên, chọn một số môn học, mô đun trong các môn học, mô đun tự chọn đã đề xuất trong chương trình khung và xây dựng thêm một số môn học, mô đun khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, Trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	 Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 60 phút Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Thiết kế mạch điện tử trên máy tính
Mã nghề: 50480102
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các linh kiện điện tử;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất và ứng dụng của các linh kiện điện tử chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp;

+ Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để thiết kế mạch điện tử số và vi mạch tương tự đạt yêu cầu;

+ Phân tích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử, các thiết bị trong lĩnh vực thiết kế mạch điện tử;

+ Sửa chữa hay cải tiến chế độ làm việc của thiết bị điện tử công nghiệp;

+ Có kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành;

+ Hiểu và trình bày được các quy trình thiết kế và sản xuất vi mạch;

+ Vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Có năng lực để đề xuất các biện pháp, các quy trình thiết kế vi mạch phù hợp với phát triển của công nghệ;

+ Hiểu được các quy trình bảo dưỡng thiết bị trong công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Ứng dụng được tin học trong công tác văn phòng vào hoạt động nghề;

+ Sử dụng thuần thục các dụng cụ và thiết bị đo kiểm trong thiết kế vi mạch;

+ Thành thạo lập trình và kết nối hệ thống mạng máy tính;

+ Đọc được các bản vẽ kỹ thuật của nghề (bản vẽ chi tiết, bản vẽ sơ đồ lắp ráp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý);

+ Thiết kế thành thạo sơ đồ nguyên lý và sơ đồ mạch in bằng các phần mềm chuyên dụng;

+ Thiết kế được các mạch tổ hợp số, các mạch điện tử tương tự;

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm mô phỏng để kiểm tra, thiết kế và phân tích mạch điện;

+ Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế sản xuất, kinh doanh; có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của nghề nghiệp;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp cao đẳng nghề Thiết kế mạch điện tử trên máy tính có thể làm việc tại:

- Các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử.

- Các dây chuyền sản xuất tự động mạch in.

- Thiết kế hoặc quản lý sản xuất tại các xí nghiệp sản xuất chế tạo mạch tích hợp chuyên dụng.

- Các doanh nghiệp thiết kế và gia công bảng mạch điện tử (PCB).

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân phối thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2460 giờ; Thời gian học tự chọn: 840 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 971 giờ; Thời gian học thực hành: 2329 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2460**	**706**	**1633**	**121**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**585**	**226**	**320**	**39**
MH 07	Kỹ năng mềm	15	5	8	2
MH 08	Kiến thức hội nhập WTO	15	15	0	0
MH 09	An toàn lao động	30	15	13	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 10	Vẽ kỹ thuật	30	10	18	2
MĐ 11	Anh văn chuyên ngành	90	30	50	10
MH 12	Điện kỹ thuật	60	36	20	4
MĐ 13	Đo lường điện tử	45	20	22	3
MĐ 14	Kỹ thuật điện tử	60	20	36	4
MĐ 15	Ngôn ngữ lập trình C++	90	25	60	5
MĐ 16	Kỹ thuật cảm biến	60	20	36	4
MĐ 17	Mạng và Truyền dữ liệu	90	30	57	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1875**	**480**	**1313**	**82**
MĐ 18	Mạch điện tử cơ bản	90	25	60	5
MĐ 19	Điện tử nâng cao	90	25	62	3
MĐ 20	Điện tử công suất	90	30	54	6
MĐ 21	Vi mạch tương tự	75	25	45	5
MĐ 22	Kỹ thuật xung - số	90	30	55	5
MĐ 23	Thiết kế mạch bằng máy tính 1	120	30	85	5
MĐ 24	Kỹ thuật vi xử lý	90	30	55	5
MĐ 25	Công nghệ vi điện tử	120	40	75	5
MĐ 26	Thí nghiệm thiết kế bằng FPGA	90	25	60	5
MĐ 27	Thiết kế mạch bằng máy tính 2	150	50	92	8
MĐ 28	Lập trình nhúng	120	30	87	3
MĐ 29	Công nghệ thiết kế IC	120	30	85	5
MĐ 30	Quản lý kỹ thuật	90	30	57	3
MĐ 31	Mô phỏng mạch điện tử	150	50	92	8
MĐ 32	Công nghệ chế tạo mạch in	90	20	64	6
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	300	10	285	5
Tổng cộng		**2910**	**926**	**1833**	**151**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu được quy định trong Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định trên cơ sở bảng phân tích công việc và bảng đánh giá độ quan trọng của các nhiệm vụ và công việc, gồm 10 môn học, mô đun tự chọn giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Kỹ thuật điều khiển Robot	150	50	94	6
MĐ 35	Kiến trúc máy tính & hệ điều hành	90	30	56	4
MĐ 36	Vẽ kỹ thuật AutoCAD	90	25	61	4
MĐ 37	Lập trình giao tiếp máy tính	75	30	43	2
MĐ 38	Kỹ thuật vi điều khiển	150	45	100	5
MĐ 39	Mạch điện tử ứng dụng	120	30	85	5
MĐ 40	Kinh tế công nghiệp và quản lý chất lượng	60	18	39	3
MĐ 41	Độ tin cậy hệ thống	45	10	33	2
MĐ 42	PLC cơ bản	120	45	70	5
MH 43	Quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	60	47	9	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do các Cơ sở dạy nghề lựa chọn theo dự kiến trong chương trình khung hoặc tự xây dựng sẽ được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền;

- Chương trình khung dự kiến 08 môn học, mô đun trong danh mục các môn học, mô đun tự chọn với tổng số thời gian học là 840 giờ theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Kỹ thuật điều khiển Robot	150	50	94	6
MĐ 35	Kiến trúc máy tính & hệ điều hành	90	30	56	4
MĐ 36	Vẽ kỹ thuật AutoCAD	90	25	61	4
MĐ 37	Lập trình giao tiếp máy tính	75	30	43	2
MĐ 38	Kỹ thuật vi điều khiển	150	45	100	5
MĐ 39	Mạch điện tử ứng dụng	120	30	85	5
MĐ 41	Độ tin cậy hệ thống	45	10	33	2
MĐ 42	PLC cơ bản	120	45	70	5
Tổng cộng		**840**	**265**	**542**	**33**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

- Tùy theo điều kiện, yêu cầu của từng vùng, miền và thời điểm cụ thể, các cơ sở dạy nghề có thể tiến hành lựa chọn các mô đun tự chọn theo 1 trong 3 phương án sau đây:

+ Phương án 1: lựa chọn 08 môn học, mô đun trong bảng của mục V, tiểu mục 1.2 để đào tạo với tổng số thời gian học là 840 giờ;

+ Phương án 2: xây dựng các môn học, mô đun tự chọn khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định;

+ Phương án 3: kết hợp cả 2 phương án trên, chọn một số môn học, mô đun trong các môn học, mô đun tự chọn đã đề xuất trong chương trình khung và xây dựng thêm một số môn học, mô đun khác để đào tạo sao cho tổng thời gian thực học đảm bảo theo quy định.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	 Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút) Không quá 4 giờ
3	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 05
Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "An ninh mạng"
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: An ninh mạng
Mã nghề: 40480212
Trình độ đào tạo: Trung cấp Nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bổ sung phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, điện tử máy tính, mạng máy tính;

+ Hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ thống máy tính;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;

+ Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;

+ Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của hạ tầng hệ thống mạng, các thiết bị mạng, hệ thống cáp mạng;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ điều hành mạng, các dịch vụ mạng;

+ Mô tả được công dụng và nguyên lý hoạt động cơ bản của cơ sở dữ liệu và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu;

+ Trình bày được các nguy cơ về bảo mật, mất mát dữ liệu của Tổ chức/Doanh nghiệp;

+ Trình bày, mô tả, biểu diễn được các kỹ thuật tấn công và phòng thủ trên không gian mạng;

+ Hiểu biết về luật pháp an toàn thông tin.

- Kỹ năng:

+ Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;

+ Thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình;

+ Cài đặt, cấu hình và quản trị hệ thống mạng sử dụng Windows Server;

+ Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;

+ Xây dựng và quản trị website về giới thiệu sản phẩm, thương mại điện tử;

+ Cấu hình được các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router;

+ Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;

+ Thiết kế, triển khai và quản trị được các hệ thống an toàn thông tin;

+ Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;

+ Xây dựng và quản trị hệ cơ sở dữ liệu cho hệ thống mạng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, pháp luật:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về tham nhũng; nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng; ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng;

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Nắm được đường lối quốc phòng của Đảng và luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm việc tại các doanh nghiệp có trang bị hệ thống mạng máy tính; các thiết bị văn phòng; các tòa nhà có trang bị hệ thống mạng máy tính; bộ phận bảo mật và

an toàn thông tin các công ty, doanh nghiệp, trường học; các tổ chức về tài chính, tập đoàn kinh tế, các tổ chức của nhà nước có yêu cầu cao về đảm bảo an ninh thông tin; các công ty chuyên kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin; các công ty kinh doanh và dịch vụ viễn thông; các công ty xây dựng và thiết kế giải pháp bảo mật mạng; các công ty phần mềm bảo mật;

- Làm việc tại các trường học ở vị trí phòng thực hành, xưởng thực tập, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn;

- Tự tạo được việc làm cho bản thân; tự mở doanh nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết mô đun, môn học và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1785 giờ; Thời gian học tự chọn: 555 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 771 giờ; Thời gian học thực hành: 1569 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**109**	**89**	**12**
MH 01	Chính trị	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	13	0	2
MH 03	Giáo dục thể chất	30	0	28	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	0	43	2
MH 05	Tin học	30	10	18	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	58	0	2
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề*	**1785**	**569**	**1142**	**74**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**750**	**305**	**413**	**32**
MĐ 07	Anh văn chuyên ngành	75	30	42	3
MĐ 08	Tin học văn phòng	120	45	70	5
MH 09	Cấu trúc máy tính	90	45	41	4
MĐ 10	Lập trình căn bản	120	45	70	5
MĐ 11	Cơ sở dữ liệu	90	20	66	4
MH 12	Mạng máy tính	90	45	41	4
MH 13	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	90	45	41	4
MĐ 14	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	75	30	42	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1035**	**264**	**729**	**42**
MĐ 15	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	120	45	70	5
MĐ 16	Quản trị mạng	120	45	70	5
MĐ 17	Thiết kế Web	90	30	56	4
MĐ 18	An toàn mạng	60	20	37	3
MĐ 19	Tấn công và phòng thủ trên không gian mạng	90	26	59	5
MĐ 20	Triển khai hệ thống firewall 1	90	26	59	5
MĐ 21	Bảo mật hệ điều hành	90	27	58	5
MĐ 22	Bảo mật ứng dụng mạng	90	27	58	5
MĐ 23	Triển khai hệ thống antivirus	60	18	37	5
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	225	0	225	0
Tổng cộng		**1995**	**678**	**1231**	**86**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Toán ứng dụng	60	45	12	3
MĐ 26	Bảng tính Excel	60	15	39	6
MĐ 27	Lắp ráp và cài đặt máy tính	60	15	39	6
MĐ 28	Đồ họa ứng dụng	75	30	42	3
MĐ 29	Hệ điều hành Linux	90	20	66	4
MĐ 30	Xử lý sự cố phần mềm	60	15	39	6
MĐ 31	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	60	15	39	6
MĐ 32	Thiết kế đa phương tiện	60	15	39	6
MĐ 33	Công nghệ mạng không dây	60	15	39	6
MĐ 34	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	120	45	70	5
MH 35	Pháp luật an toàn thông tin	60	50	7	3
MĐ 36	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	60	17	40	3
MĐ 37	Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động của hệ thống	90	45	39	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu quy định. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 8 trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn được đề xuất ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Đồ họa ứng dụng	75	30	42	3
MĐ 30	Xử lý sự cố phần mềm	60	15	39	6
MĐ 31	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	60	15	39	6
MĐ 32	Thiết kế đa phương tiện	60	15	39	6
MĐ 33	Công nghệ mạng không dây	60	15	39	6
MĐ 34	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	120	45	70	5
MH 35	Pháp luật an toàn thông tin	60	50	7	3
MĐ 36	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	60	17	40	3
	Tổng cộng	**555**	**202**	**315**	**38**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền.

- Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài tập/sản phẩm	Không quá 08 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất sửa chữa máy tính, các công ty kinh doanh và dịch vụ viễn thông; tư vấn thiết kế hệ thống bảo mật mạng.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Phần tự chọn, tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị của từng Cơ sở dạy nghề và vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể xác định các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp hơn.

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: tham quan nơi thực tập sản xuất cho học sinh biết được những công việc sau khi ra trường và học tập tác phong công nghiệp, các sinh hoạt, hoạt động tập thể dã ngoại nhằm nâng cao các kỹ năng sinh hoạt tập thể, các kỹ năng về tổ chức./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: An ninh mạng
Mã nghề: 50480212
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;

+ Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;

+ Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của hạ tầng hệ thống mạng, các thiết bị mạng, hệ thống cáp mạng;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ điều hành mạng, các dịch vụ mạng;

+ Mô tả được công dụng và nguyên lý hoạt động của cơ sở dữ liệu và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu;

+ Giải thích được về nguyên lý lập trình mạng, lập trình socket;

+ Trình bày được các nguy cơ về bảo mật, mất mát dữ liệu của Tổ chức/ Doanh nghiệp;

+ Mô tả được các hệ thống an toàn thông tin;

+ Trình bày được về hệ thống chính sách an toàn thông tin;

+ Trình bày, mô tả, biểu diễn được các kỹ thuật tấn công và phòng thủ trên không gian mạng;

+ Trình bày, biểu diễn được về kiểm tra và đánh giá bảo mật mạng;

+ Hiểu biết về luật pháp an toàn thông tin, phục hồi thảm họa dữ liệu.

- Kỹ năng:

+ Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;

+ Thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và;

+ Trung bình;

+ Cài đặt, cấu hình và quản trị hệ thống mạng sử dụng Windows Server;

+ Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;

+ Xây dựng và quản trị website về giới thiệu sản phẩm, thương mại điện tử;

+ Cấu hình được các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router;

+ Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;

+ Thiết kế, triển khai và quản trị được các hệ thống an toàn thông tin;

+ Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;

+ Xây dựng, triển khai và quản lý được hệ thống chính sách an toàn thông tin;

+ Sử dụng thành thạo các công cụ để kiểm tra, đánh giá bảo mật;

+ Xây dựng được các công cụ phục vụ kiểm tra bảo mật mạng;

+ Lập kế hoạch giám sát hệ thống an ninh thông tin;

+ Lập kế hoạch phục hồi thảm họa dữ liệu; Theo dõi đảm bảo hoạt động liên tục của thiết bị mạng, ứng dụng, dịch vụ;

+ Xây dựng quy trình, chính sách an ninh thông tin;

+ Huấn luyện bảo mật, quy trình, chính sách an ninh thông tin cho người dùng cuối;

+ Kèm cặp, hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, pháp luật:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về tham nhũng; nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng; ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng;

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Nắm được đường lối quốc phòng của Đảng và luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm việc tại các doanh nghiệp có trang bị hệ thống mạng máy tính; các công ty chuyên kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin; hãng sản xuất, bảo trì máy tính, thiết bị, linh kiện máy tính; bộ phận bảo mật và an toàn thông tin các công ty, doanh nghiệp, trường học; các tổ chức về tài chính, tập đoàn kinh tế, các tổ chức của nhà nước có yêu cầu cao về đảm bảo an ninh thông tin; Các công ty kinh doanh viễn thông và mạng; các công ty thiết kế và cung cấp giải pháp bảo mật mạng; các công ty phần mềm bảo mật mạng.

- Làm việc tại các trường học ở vị trí phòng thực hành, xưởng thực tập, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn.

- Có thể học tiếp tục ở bậc học cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết mô đun, môn học và thi tốt nghiệp: 268 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học

- Thời gian học các môn học chung: 450 giờ

- Thời gian học các mô đun, môn học đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: giờ 2535; Thời gian học tự chọn: 765 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1010 giờ; Thời gian học thực hành: 2290 giờ

III. DANH MỤC MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề*	**2535**	**785**	**1640**	**110**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**900**	**370**	**491**	**39**
MĐ 07	Anh văn chuyên ngành	75	30	42	3
MĐ 08	Tin học văn phòng	120	45	70	5
MH 09	Toán ứng dụng	60	45	12	3
MH 10	Cấu trúc máy tính	90	45	41	4
MĐ 11	Lập trình căn bản	120	45	70	5
MĐ 12	Cơ sở dữ liệu	90	20	66	4
MH 13	Mạng máy tính	90	45	41	4
MĐ 14	Hệ điều hành Linux	90	20	66	4
MH 15	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	90	45	41	4
MĐ 16	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	75	30	42	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1635**	**415**	**1149**	**71**
MĐ 17	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	120	45	70	5
MĐ 18	Quản trị mạng	120	45	70	5
MĐ 19	Lập trình mạng	90	20	66	4
MĐ 20	Thiết kế Web	90	30	56	4
MĐ 21	An toàn mạng	60	20	37	3
MĐ 22	Tấn công và phòng thủ trên không gian mạng	90	26	59	5
MĐ 23	Triển khai hệ thống firewall 1	90	26	59	5
MĐ 24	Phân tích đánh giá bảo mật mạng	90	27	58	5
MĐ 25	Bảo mật hệ điều hành	90	27	58	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Bảo mật ứng dụng mạng	90	27	58	5
MĐ 27	Bảo mật cơ sở dữ liệu	90	27	58	5
MĐ 28	Triển khai hệ thống antivirus	60	18	37	5
MĐ 29	Phục hồi thảm họa dữ liệu	75	23	47	5
MĐ 30	Xây dựng hệ thống quản lý an ninh thông tin	90	27	58	5
MĐ 31	Triển khai hệ thống Firewall 2	90	27	58	5
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	300	0	300	0
Tổng cộng		**2985**	**1005**	**1840**	**140**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học).

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Về thời lượng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Lắp ráp và cài đặt máy tính	90	15	72	3
MĐ 34	Lập trình JAVA	90	15	72	3
MĐ 35	Lập trình trực quan	120	45	70	5
MH 36	Quản lý dự án phần mềm Công nghệ thông tin	60	30	27	3
MĐ 37	Xử lý sự cố phần mềm	60	15	39	6
MĐ 38	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	90	30	56	4
MĐ 39	Thiết kế đa phương tiện	75	23	47	5
MĐ 40	Đồ họa ứng dụng	75	30	42	3
MĐ 41	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	90	30	56	4
MĐ 42	Công nghệ mạng không dây	75	23	47	5
MĐ 43	Bảo mật hạ tầng mạng	60	20	37	3
MĐ 44	Quản trị mạng nâng cao	90	30	56	4
MĐ 45	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	120	45	70	5
MH 46	Pháp luật an toàn thông tin	60	50	7	3
MĐ 47	Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động của hệ thống	90	45	39	6
MĐ 48	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	60	17	40	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu quy định. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Ví dụ: Có thể lựa chọn 09 trong số 16 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Lắp ráp và cài đặt máy tính	90	15	72	3
MĐ 34	Lập trình JAVA	90	15	72	3
MĐ 35	Lập trình trực quan	120	45	70	5
MH 36	Quản lý dự án phần mềm Công nghệ thông tin	60	30	27	3
MĐ 42	Công nghệ mạng không dây	75	23	47	5
MĐ 43	Bảo mật hạ tầng mạng	60	20	37	3
MĐ 44	Quản trị mạng nâng cao	90	30	56	4
MĐ 45	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	120	45	70	5
MĐ 48	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	60	17	40	3
Tổng cộng		**765**	**240**	**491**	**34**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Mạng máy tính, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu; Quản trị mạng; bảo mật mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu, bảo mật hệ điều hành	- Viết - Trắc nghiệm	- Không quá 180 phút - Không quá 90 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, 20 phút trả lời)

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề: Thiết kế, triển khai và quản trị được các hệ thống an toàn thông tin; Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng; Xây dựng, triển khai và quản lý được hệ thống chính sách an toàn thông tin	Bài thi thực hành	Không quá 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất sửa chữa máy tính, các công ty kinh doanh viễn thông, các công ty bảo mật và an ninh mạng; các công ty tư vấn và cung cấp giải pháp mạng.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nếu sử dụng chương trình dạy nghề này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề.

- Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng